



Số : .../HEID-CV

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

V/v: Giải trình về ý kiến lưu ý của kiểm toán
tại báo cáo soát xét BCTC hợp nhất năm 2014
và chênh lệch trên 10% về thuế TNDN, LNST trên BCTC công ty Mẹ,
BCTCHN năm 2014.

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Điều 10.4 tại Thông tư 52/TT-BTC ngày 05/4/2012 “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Căn cứ Báo cáo tài chính công ty Mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được kiểm toán).

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (EID) xin giải trình đối với ý kiến lưu ý của kiểm toán trong Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014; giải trình đối với chênh lệch trên 10% Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo Tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 do công ty lập so với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán như sau:

- Năm 2013, EID mua thêm cổ phần làm tăng tỷ lệ sở hữu của EID tại Công ty CP Sách TBTH Hà Tây lên 40,24%, như vậy Công ty CP Sách TBTH Hà Tây là Công ty liên kết của EID và Báo cáo Tài chính của Công ty CP Sách TBTH Hà Tây đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ với giá trị tài sản thuần tại ngày mua được xác định căn cứ theo Bảng cân đối kế toán đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, trong Báo cáo tài chính của Công ty CP Sách TBTH Hà Tây đã được kiểm toán có đưa ra ý kiến về việc chưa thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của một số khoản nợ phải thu với số tiền 5,83 tỷ đồng; nợ phải trả là 2,37 tỷ đồng và hàng gửi bán là 4,08 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2014. Đến thời điểm phát hành báo cáo của EID, với các thủ tục đã thực hiện, Công ty chưa thể thu thập được bằng chứng bổ sung liên quan đến các khoản nêu trên. Do đó, chúng tôi chưa thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với việc xác định giá trị tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua cũng như ảnh hưởng của vấn đề tới Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tại Báo cáo tài chính công ty Mẹ năm 2014 do công ty lập có báo cáo tổng tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp lũy kế năm 2014 là 7,86 tỷ đồng so với tổng tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2014 trong Báo cáo tài chính Công ty Mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán (4,86 tỷ đồng) chênh lệch tăng 3,0 tỷ đồng (chênh lệch tăng 61%), đồng thời làm Lợi nhuận sau thuế năm 2014 trên báo cáo Công ty Mẹ năm 2014 do Công ty báo cáo chênh lệch giảm 5,4 tỷ đồng so với Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán (trong đó Lợi nhuận trước thuế năm 2014 giảm 2,4 tỷ đồng so với 2013, chênh lệch giảm 7%).

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cán	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

105 - 1
CÔNG TY
NHÌM NH
CÔNG KIẾ
A A
TOÁN

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Số: 311 /2015/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 16/03/2015, từ trang 06 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây (là Công ty liên kết của Công ty) đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, các khoản Phải thu khách hàng, Người mua trả tiền trước và Hàng gửi bán được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty liên kết này chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Bằng các thủ tục thay thế khác, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục nêu trên được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty liên kết này với số tiền tại ngày 01/01/2014 lần lượt là 5,83 tỷ VND, 2,37 tỷ VND và 4,08 tỷ VND; tại ngày 31/12/2014 lần lượt là 5,26 tỷ VND, 5,49 tỷ VND và 6,31 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về vấn đề: Tại ngày 31/12/2013 Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây chưa đối chiếu xác nhận đầy đủ đối với số dư phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước và hàng gửi bán. Tại ngày 31/12/2014 các khoản công nợ nêu trên cũng chưa thu thập được đối chiếu xác nhận số dư."



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2290-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		209.564.585.311	177.047.177.768
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	49.219.443.206	22.745.846.170
111	1. Tiền		29.219.443.206	9.745.846.170
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	13.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.503.900	8.989.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		118.776.400	118.776.400
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(102.272.500)	(109.786.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.443.503.825	62.262.573.595
131	1. Phải thu khách hàng		38.578.411.193	37.143.661.851
132	2. Trả trước cho người bán		23.395.750.939	24.683.932.340
135	3. Các khoản phải thu khác	5	5.012.019.867	5.509.633.742
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.542.678.174)	(5.074.654.338)
140	IV. Hàng tồn kho	6	87.271.455.894	75.283.250.597
141	1. Hàng tồn kho		90.218.045.700	81.778.417.598
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.946.589.806)	(6.495.167.001)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.613.678.486	16.746.517.506
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	11.068.958.433	15.405.049.896
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		111.688.435	856.330.110
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	225.031.618	7.843.000
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	208.000.000	477.294.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		131.895.994.308	122.434.377.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.100.000.000	-
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	4.100.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		5.148.497.092	3.345.598.227
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	607.485.274	920.648.227
222	- Nguyên giá		3.742.595.211	3.742.595.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.135.109.937)	(2.821.946.984)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	4.541.011.818	2.424.950.000
240	III. Bất động sản đầu tư	13	77.647.852.118	81.137.643.218
241	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.596.925.525)	(6.107.134.425)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	17.638.592.915	16.626.169.961
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.888.592.915	11.876.169.961
258	2. Đầu tư dài hạn khác		4.750.000.000	4.750.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.767.072.728	175.172.667
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	8.727.272.728	135.372.667
268	2. Tài sản dài hạn khác		39.800.000	39.800.000
269	VI. Lợi thế thương mại	16	18.593.979.455	21.149.793.655
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		341.460.579.619	299.481.555.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		135.876.373.484	99.537.085.392
310	I. Nợ ngắn hạn		134.143.941.211	87.731.561.847
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	88.858.069.358	54.425.076.734
312	2. Phải trả người bán		30.094.182.360	23.410.631.577
313	3. Người mua trả tiền trước		50.285.105	682.021.267
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.191.900.356	703.285.843
315	5. Phải trả người lao động		3.698.011.979	3.888.726.873
316	6. Chi phí phải trả	19	3.878.550.201	2.656.004.108
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	665.370.124	1.595.019.691
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.707.571.728	370.795.754
330	II. Nợ dài hạn		1.732.432.273	11.805.523.545
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.722.205.000	1.652.509.000
334	2. Vay và nợ dài hạn		-	10.000.000.000
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		10.227.273	153.014.545
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		205.584.206.135	199.944.470.104
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	205.584.206.135	199.944.470.104
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.166.950	24.166.950
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.200.876.950)	(3.200.876.950)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		9.039.091.479	7.062.829.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		19.971.459.413	13.721.825.214
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.270.524.238	7.166.600.347
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.479.841.005	25.169.925.543
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		341.460.579.619	299.481.555.496



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

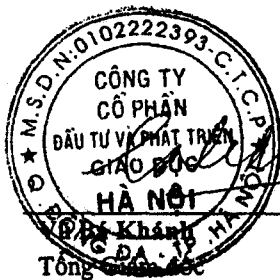
Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	380.985.185.912	386.424.640.515
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	6.188.144.958	4.867.500.726
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	374.797.040.954	381.557.139.789
11	4. Giá vốn hàng bán	26	284.218.178.706	297.274.507.191
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.578.862.248	84.282.632.598
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	439.699.402	1.051.146.087
22	7. Chi phí tài chính	28	8.214.981.590	9.649.615.220
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.221.659.380	7.424.933.333
24	8. Chi phí bán hàng	29	30.160.801.991	26.467.965.483
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	17.157.165.143	17.486.882.797
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.485.612.926	31.729.315.185
31	11. Thu nhập khác	31	237.714.470	10.199.093.743
32	12. Chi phí khác	32	479.146.702	5.363.277.240
40	13. Lợi nhuận khác		(241.432.232)	4.835.816.503
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên		1.450.183.110	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.694.363.804	36.565.131.688
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	8.141.191.256	4.992.306.761
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>28.553.172.548</u>	<u>31.572.824.927</u>
62	17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		28.553.172.548	31.572.824.927
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.960	2.167



Võ Thị Khánh Hằng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		310.409.667.130	320.135.482.163
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(251.838.610.030)	(258.895.458.966)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.485.282.120)	(17.696.491.068)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(6.231.227.613)	(7.451.859.030)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.168.690.425)	(1.139.078.732)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.880.872.159	6.563.168.817
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.880.652.323)	(8.570.167.845)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>19.686.076.778</i>	<i>32.945.595.339</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.116.061.818)	(1.494.863.727)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.800.000.000)	(9.243.750.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		302.448.902	1.098.396.087
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(4.613.612.916)</i>	<i>(9.640.217.640)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		205.912.126.609	199.703.587.219
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(181.479.133.985)	(195.657.536.381)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.031.859.450)	(27.328.980.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>11.401.133.174</i>	<i>(23.282.929.162)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>26.473.597.036</i>	<i>22.448.537</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.745.846.170	22.723.397.633
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>49.219.443.206</u>	<u>22.745.846.170</u>



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.
Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND; Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

Công ty có các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22,47%	22,47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3 số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2010, hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và

phương tiện dạy học;

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

0111
CON
HACH NH
HANG I
A
TOAN

2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Do Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục (là Công ty liên kết của Công ty) không được lập tại thời điểm Công ty có ảnh hưởng đáng kể (tại ngày mua) là ngày 08/03/2014. Do các giao dịch phát sinh trong giai đoạn từ ngày 28/02/2014 đến ngày 08/03/2014 tại Công ty này không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Vì vậy, việc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được thực hiện tại thời điểm 28/02/2014, căn cứ theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục cho kỳ kế toán từ ngày 28/02/2014 đến ngày 31/12/2014.

2.5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

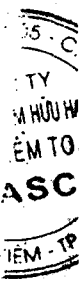
Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải



thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Đối với hoạt động kinh doanh sách thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 12 - 25 năm |
|--------------------------|-------------|

2.12. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá

đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khác.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Tại Công ty mẹ, đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, trong năm 2014 thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho, trong năm 2013 Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo giá trị vật tư, thành phẩm, hàng hóa và dở dang còn tồn tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Do việc áp dụng phương pháp phân bổ mới trong năm 2014 dẫn đến số thuế GTGT đầu vào phân bổ vào Giá vốn hàng bán giảm đi so với số thuế phân bổ nếu áp dụng phương pháp phân bổ năm 2013 là 2,6 tỷ đồng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

105
CÔNG TY
M HỮU
M TO
SC
TP

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.20. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	557.055.923	430.381.856
Tiền gửi ngân hàng	28.662.387.283	9.315.464.314
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	20.000.000.000	13.000.000.000
	<u>49.219.443.206</u>	<u>22.745.846.170</u>

⁽¹⁾Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2014 là khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất khoảng 4,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(102.272.500)	(109.786.500)
	16.503.900	8.989.900

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118.776.400		118.776.400
- LSS	625	21.500.000	625	21.500.000
- QNC	8	276.400	8	276.400
- PHH	800	22.400.000	800	22.400.000
- STL	1.500	74.600.000	1.500	74.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(102.272.500)		(109.786.500)
		16.503.900		8.989.900

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu khác	5.012.019.867	5.509.633.742
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	38.750.000	14.500.000
- Phải thu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí ^[1]	4.624.831.835	5.018.335.895
- Phải thu các đối tượng khác	348.438.032	476.797.847
	5.012.019.867	5.509.633.742

^[1]Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty đang theo dõi phải thu Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí các khoản công nợ của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công phát sinh từ trước ngày 31/03/2012.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.069.277.557	40.970.008.271
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.329.227.188	6.981.771.441
Thành phẩm	16.319.408.255	19.328.108.488
Hàng hoá	27.197.463.841	12.680.691.607
Hàng gửi đi bán	4.302.668.859	1.817.837.791
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.946.589.806)	(6.495.167.001)
	87.271.455.894	75.283.250.597

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.405.049.896	7.283.988.512
Số tăng trong năm	37.484.625.539	37.674.433.667
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(41.820.717.002)	(29.553.372.283)
Số dư cuối năm	11.068.958.433	15.405.049.896

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	5.269.982.201	4.255.777.825
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	696.891	16.000.613
Chi phí sửa chữa, lắp đặt nội thất	68.181.818	-
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	313.149.091	2.740.671.458
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bán chờ phân bổ ^[2]	5.416.948.432	8.392.600.000
	11.068.958.433	15.405.049.896

^[1] Riêng đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối năm).

^[2] Trong đó, phí quản lý xuất bán được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	217.188.618	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7.843.000	7.843.000
	225.031.618	7.843.000

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	208.000.000	175.779.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	301.515.500
	208.000.000	477.294.500

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	4.100.000.000	-
	4.100.000.000	-

Công ty đang đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trong thời gian 5 năm. Mục đích của Quỹ là Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2014, hoạt động góp vốn này hiện mới bắt đầu triển khai và các bên tham gia Hợp đồng chưa thể xác định được cụ thể về lợi nhuận hay rủi ro sẽ nhận được từ việc đầu tư này.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.593.993.767	227.953.217	2.821.946.984
Số tăng trong năm	265.104.633	48.058.320	313.162.953
- <i>Khấu hao trong năm</i>	265.104.633	48.058.320	313.162.953
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.859.098.400	276.011.537	3.135.109.937
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	825.895.713	94.752.514	920.648.227
Tại ngày cuối năm	560.791.080	46.694.194	607.485.274

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.132.793.770 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	2.424.950.000
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	4.241.011.818	2.124.950.000
- Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	4.541.011.818	2.424.950.000

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất: 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Theo hợp đồng này Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
 Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND.

Năm 2014, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 2.116.061.818 VND. Tại thời điểm 31/12/2014, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.241.011.818 VND. Trong đó, số vốn góp mà Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã thực nhận là 2.943.950.000 VND. Số vốn góp còn lại Công ty đã chuyển qua đối tác trung gian là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để tiếp tục góp vốn vào dự án này.

^[2]Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa". Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	87.244.777.643	87.244.777.643
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>87.244.777.643</u>	<u>87.244.777.643</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.107.134.425	6.107.134.425
Số tăng trong năm	3.489.791.100	3.489.791.100
- <i>Khấu hao trong năm</i>	3.489.791.100	3.489.791.100
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>9.596.925.525</u>	<u>9.596.925.525</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	<u>81.137.643.218</u>	<u>81.137.643.218</u>
Tại ngày cuối năm	<u>77.647.852.118</u>	<u>77.647.852.118</u>

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tài sản này được dùng làm tài sản đảm bảo khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDHM-HEID ngày 20/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và bên đi vay là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hà Nội (Xem thêm tại Thuyết minh 17).

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	12.888.592.915	11.876.169.961
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	12.181.586.884	11.876.169.961
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục ^[1]	707.006.031	-
Đầu tư dài hạn khác	4.750.000.000	4.750.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới	1.000.000.000	1.000.000.000
	17.638.592.915	16.626.169.961

^[1] Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2014/HĐCN ngày 08/03/2014 và Giấy Chuyển nhượng sở hữu Cổ phần ngày 08/03/2014, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty 60.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục, với giá bán là 10.700 VND/cổ phần.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22,47%	22,47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	135.372.667	-
Số tăng trong năm	8.727.272.728	812.236.000
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(135.372.667)	(676.863.333)
Số dư cuối năm	8.727.272.728	135.372.667

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lắp đặt hệ thống văn phòng làm việc	-	135.372.667
Chi phí thuê kho ^[1]	8.727.272.728	-
	8.727.272.728	135.372.667

^[1] Đây là chi phí thuê kho Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	21.149.793.655	23.301.269.812
Số tăng trong năm	3.695.311	367.580.039
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(2.559.509.511)	(2.519.056.196)
Số dư cuối kỳ	18.593.979.455	21.149.793.655

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	88.858.069.358	54.425.076.734
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ^[1]	73.028.743.301	44.870.370.955
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN Hà Nội	-	9.554.705.779
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ^[2]	15.829.326.057	-
	88.858.069.358	54.425.076.734

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1]Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng; Thời gian duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 30/06/2015;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, Theo thông báo kết quả thẩm định và định giá tài sản số 657A/2014 TB-AMC.HN-TĐ ngày 11/06/2014.

^[2]Hợp đồng tín dụng số 1300000220577 ngày 31/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 21.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng; Thời gian duy trì Hạn mức tín dụng đến ngày 29/04/2015;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30.000.000.000 VND.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.370.874.647	178.894.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	392.481.256	399.652.187
Thuế thu nhập cá nhân	428.544.453	124.739.101
	2.191.900.356	703.285.843

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	101.883.916	109.783.520
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản	1.900.031.011	773.705.829
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	730.811.463	759.900.728
Trích trước chi phí vận chuyển	1.000.823.811	867.614.031
Chi phí phải trả khác	145.000.000	145.000.000
	3.878.550.201	2.656.004.108

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	328.800.573	353.727.602
Bảo hiểm xã hội	888.344	-
Bảo hiểm y tế	450.226	-
Bảo hiểm thất nghiệp	102.775	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	335.128.206	1.241.292.089
- Phải trả Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu Khí ⁽¹⁾	305.579.606	934.682.460
- Phải trả, phải nộp khác	29.548.600	306.609.629
	665.370.124	1.595.019.691

⁽¹⁾Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí. Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với các bên thứ 3 phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty đang theo dõi phải trả Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí các khoản công nợ của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công phát sinh từ trước ngày 31/03/2012.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
 Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	24.166.950	(3.200.876.950)	4.118.859.101	10.595.660.942	5.603.518.211	33.248.543.331	200.389.871.585	31.572.824.927	31.572.824.927	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.943.969.899	3.126.164.272	1.563.082.136	(7.633.216.307)	(4.689.246.408)	(18.939.180.000)	(18.939.180.000)	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức năm 2013 cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	24.166.950	24.166.950	(3.200.876.950)	7.062.829.000	13.721.825.214	7.166.600.347	25.169.925.543	199.944.470.104	28.553.172.548	28.553.172.548	28.553.172.548	28.553.172.548	28.553.172.548
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.976.262.479	6.249.634.199	3.103.923.891	(11.329.820.569)	(9.482.604.859)	(9.482.604.859)	(9.482.604.859)	(9.482.604.859)	(9.482.604.859)	(9.482.604.859)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng do điều chỉnh sau thanh tra thuế và chênh lệch cổ tức được hưởng từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32.268.342
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	24.166.950	24.166.950	(3.200.876.950)	9.039.091.479	19.971.459.413	10.270.524.238	19.479.841.005	205.584.206.135	32.268.342	32.268.342	32.268.342	32.268.342	32.268.342

Theo Nghị quyết số 03-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty mẹ thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế (công ty mẹ)		33.739.731.859
Chi trả cổ tức ⁽¹⁾	15%/Cổ phần	21.852.900.000
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	3.373.973.186
Trích bổ sung vốn điều lệ	5%	1.686.986.593
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.373.973.186
Trích quỹ điều hành của HĐQT, Ban kiểm soát	5%	1.686.986.593
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại	1.764.912.301

⁽¹⁾Trong đó, cổ tức đã tạm ứng cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam trong năm 2013 là 8.389.800.000 VND, Cổ tức của các Chủ sở hữu khác đã được thanh toán bằng tiền mặt trong năm 2014.

Căn cứ theo phương án dự kiến phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 được nêu tại Nghị quyết số 03-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và Nghị quyết số 01-2015 ngày 05/01/2015 của Hội đồng quản trị thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 dự kiến. Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế (công ty mẹ)		28.338.745.953
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	2.833.874.595
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15%	4.250.811.893
Trích Quỹ bổ sung Vốn chủ sở hữu	5%	1.416.937.298

Việc trích lập các quỹ như trên có thể thay đổi khi Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2015 thông qua kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	Tỷ lệ %	01/01/2014 VND	Tỷ lệ %
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	55.932.000.000	37,29%	55.932.000.000	37,29%
Ông Peter Eric Dennis	7.327.000.000	4,88%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	10.222.890.000	6,81%	6.930.890.000	4,62%
Vốn góp của cổ đông khác	72.204.110.000	48,14%	82.823.110.000	55,21%
Cổ phiếu quỹ	4.314.000.000	2,88%	4.314.000.000	2,88%
Cộng	150.000.000.000	100,00%	150.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.463.100.000	27.328.980.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.463.100.000	18.939.180.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	8.389.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431.400	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	431.400	431.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.568.600	14.568.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.039.091.479	7.062.829.000
- Quỹ dự phòng tài chính	19.971.459.413	13.721.825.214
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	7.166.600.347
	39.281.075.130	27.951.254.561

22. TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.492.382.910	4.556.510.629
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:	8.886.472.728	2.740.671.458
- Từ 1 năm trở xuống	159.200.000	2.740.671.458
- Trên 1 năm đến 5 năm	8.727.272.728	-
- Trên 5 năm	-	-

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	373.114.836.534	377.975.971.879
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	203.093.171.156	207.347.558.845
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	5.157.165.588	5.847.679.564
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	63.220.045.783	44.063.722.114
- <i>Doanh thu nhượng bán vật tư</i>	54.306.243.165	71.761.809.064
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	47.338.210.842	48.955.202.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.107.290.287	7.856.991.363
Doanh thu hợp đồng xây dựng	763.059.091	591.677.273
	380.985.185.912	386.424.640.515

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.120.649.650	3.902.054.890
Hàng bán bị trả lại	2.067.495.308	965.445.836
	6.188.144.958	4.867.500.726

25. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	366.926.691.576	373.108.471.153
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	198.132.067.718	203.708.973.723
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	5.157.165.588	5.847.679.564
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	61.993.666.527	42.849.557.760
- <i>Doanh thu nhượng bán vật tư</i>	54.306.243.165	71.761.809.064
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	47.337.548.578	48.940.451.042
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.107.290.287	7.856.991.363
Doanh thu hợp đồng xây dựng	763.059.091	591.677.273
	374.797.040.954	381.557.139.789

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	281.328.051.396	290.931.193.524
- Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	146.931.221.379	154.828.427.087
- Giá vốn lịch Block	4.736.807.855	5.057.443.754
- Giá vốn sách tham khảo	35.153.333.751	24.931.833.532
- Giá vốn nhượng bán vật tư	55.124.713.031	70.154.004.864
- Giá vốn thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	39.381.975.380	35.959.484.287
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.675.645.414	5.643.619.240
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	763.059.091	591.677.273
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.548.577.195)	108.017.154
	284.218.178.706	297.274.507.191

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

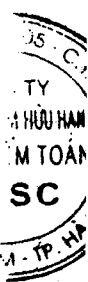
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	325.791.612	353.986.181
Cổ tức, lợi nhuận được chia	113.407.290	553.496.600
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	143.663.306
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	500.500	-
	439.699.402	1.051.146.087

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.221.659.380	7.424.933.333
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.999.960.736	2.202.519.586
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	9.678.158
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(7.514.000)	10.721.600
Chi phí tài chính khác	875.474	1.762.543
	8.214.981.590	9.649.615.220

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.557.362	55.987.429
Chi phí nhân công	13.348.468.672	11.631.277.622
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	265.787.692	295.073.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.847.509	358.627.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.158.704.373	7.321.553.261
Chi phí khác bằng tiền	7.192.436.383	6.805.446.452
	30.160.801.991	26.467.965.483



30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	944.721.647	979.780.549
Chi phí nhân công	5.947.666.323	5.573.133.899
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	111.009.614	4.181.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.315.444	218.841.182
Thuế, phí và lệ phí	277.950.000	231.186.400
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	468.023.836	129.333.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.459.686.663	2.693.795.693
Chi phí khác bằng tiền	5.247.282.105	5.137.573.689
Lợi thế thương mại	2.559.509.511	2.519.056.196
	17.157.165.143	17.486.882.797

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.277.511.311
Thu từ bán tòa nhà Nguyễn Khánh Toàn	-	8.907.000.000
Thu nhập từ thanh lý sách cũ, lạc hậu	212.171.818	-
Thu nhập khác	25.542.652	14.582.432
	237.714.470	10.199.093.743

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	-	741.998.396
Các chi phí liên quan thanh lý Tài sản cố định	-	55.015.874
Chi phí bán tòa nhà Nguyễn Khánh Toàn	-	4.500.000.000
Phạt thuế, truy thu về thuế	433.341.017	-
Phạt hợp đồng, phạt hành chính	-	66.262.970
Chi phí khác	45.805.685	-
	479.146.702	5.363.277.240

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	36.694.363.804	31.650.130.084
Các khoản điều chỉnh tăng	553.641.005	191.559.284
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.020.907.290)	(553.496.600)
Kết chuyển lỗ năm trước vào thu nhập chịu thuế năm nay	(1.238.509.122)	(3.017.821.054)
Thu nhập chịu thuế TNDN 10% ⁽¹⁾	-	31.679.359.107
Thu nhập chịu thuế TNDN 22%	37.005.414.798	-
Thu nhập chịu thuế TNDN 25%	-	2.156.741.796
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	56.435.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.141.191.256	3.763.556.360
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	272.651.786	(3.453.575.842)
Thuế TNDN phải nộp bổ sung khác phục năm 2014	20.328.238	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.041.690.024)	(1.139.078.732)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính	392.481.256	(829.098.214)
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	4.915.001.604
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	4.915.001.604
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.228.750.401
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	127.000.401	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(127.000.401)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	1.228.750.401
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	392.481.256	399.652.187

⁽¹⁾Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, Tại Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản thì các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.

Tuy nhiên, Theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và Hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính 2014 thì phần thu nhập nêu trên của Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 22%.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.553.172.548	31.572.824.927
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.553.172.548	31.572.824.927
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.568.600	14.568.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.960	2.167

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.178.333.657	139.702.178.676
Chi phí nhân công	19.296.134.995	17.204.411.521
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	376.797.306	299.254.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.162.953	577.468.314
Thuế, phí và lệ phí	277.950.000	231.186.400
Chi phí dự phòng	468.023.836	129.333.825
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.534.085.563	48.383.747.697
Chi phí khác bằng tiền	12.439.718.488	14.096.848.281
	203.884.206.798	220.624.429.665

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.219.443.206	-	22.745.846.170	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.690.431.060	(5.542.678.174)	42.653.295.593	(5.074.654.338)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(102.272.500)	118.776.400	(109.786.500)
Đầu tư dài hạn	4.750.000.000	-	4.750.000.000	-
	101.778.650.666	(5.644.950.674)	70.267.918.163	(5.184.440.838)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	88.858.069.358	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	32.481.757.484	26.658.160.268
Chi phí phải trả	3.878.550.201	2.656.004.108
	125.218.377.043	93.739.241.110

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác):

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.219.443.206	-	-	49.219.443.206
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.047.752.886	4.100.000.000	-	42.147.752.886
Đầu tư ngắn hạn	16.503.900	-	-	16.503.900
Đầu tư dài hạn	-	-	4.750.000.000	4.750.000.000
	87.283.699.992	4.100.000.000	4.750.000.000	96.133.699.992
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.745.846.170	-	-	22.745.846.170
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.578.641.255	-	-	37.578.641.255
Đầu tư ngắn hạn	8.989.900	-	-	8.989.900
Đầu tư dài hạn	-	-	4.750.000.000	4.750.000.000
	60.333.477.325	-	4.750.000.000	65.083.477.325

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	88.858.069.358	-	-	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	30.759.552.484	1.722.205.000	-	32.481.757.484
Chi phí phải trả	3.878.550.201	-	-	3.878.550.201
	123.496.172.043	1.722.205.000	-	125.218.377.043
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	54.425.076.734	10.000.000.000	-	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	25.005.651.268	1.652.509.000	-	26.658.160.268
Chi phí phải trả	2.656.004.108	-	-	2.656.004.108
	82.086.732.110	11.652.509.000	-	93.739.241.110

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
 Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	Kinh doanh Bất động sản và xây dựng	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ	366.926.691.576	10.055.616.927	376.982.308.503	(2.185.267.549)	374.797.040.954
Giá vốn của hàng bán ra bên ngoài	277.779.474.201	6.438.704.505	284.218.178.706	-	284.218.178.706
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	89.147.217.375	3.616.912.422	92.764.129.797	(2.185.267.549)	90.578.862.248
Tài sản bộ phận	361.625.177.703	104.745.062.627	466.370.240.330	(124.909.660.711)	341.460.579.619
Nợ phải trả của các bộ phận	152.060.634.239	2.352.222.326	154.412.856.565	(18.536.483.081)	135.876.373.484

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 04/02/2015, thực hiện theo Nghị quyết số 09-2014/NQ-HĐQT ngày 11/12/2014 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 12%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu được nhận 1.200 VND).

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Góp vốn vào công ty			
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	612.000.000	-
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	66.732.076	315.839.462
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	3.020.389
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	21.196.391.490	19.601.477.859
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	222.912.756	1.380.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.840.000	12.858.182
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	3.297.364.095	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	2.352.415.048	5.397.258.147
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	7.470.290.245	5.950.148.936
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	3.116.183.521	2.467.217.705
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	151.986.876	526.742.280
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	4.151.520	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.878.910.075	2.199.212.066
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	17.631.702.150	2.563.660.032
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	50.203.958	1.846.954.982
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	598.758.196	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	2.502.796.927	2.132.413.483
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.229.775.402	2.519.643.207

	Mối quan hệ	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
Trả cổ tức			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	-	15.330.500.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	4.134.039.198	1.153.777.466
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	1.821.960.408	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Bình Dương	Cùng Tập đoàn	666.950	1.615.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	652.158.610	752.048.532
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	425.624.701	1.293.819.653
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	261.158.042	195.659.397
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	611.856.866	76.350.675
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	181.867.760
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	601.196.890	675.064.051
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	299.319.160	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	89.379.323
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	596.102.340	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	208.990.287	87.691.171
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	3.932.800	776.000
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	-	4.691.350

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải trả			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	12.500.264.599	10.369.168.718
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	131.250.000	131.250.000
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	2.880.253.227	-
Công ty Cổ phần MI thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	-	173.191.670
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	33.943.984	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	45.148.000	66.623.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	74.237.200	11.081.074
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.428.035.119	586.131.889
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	481.154.158	530.333.100
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	213.577.861	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	776.576.555	713.150.147

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

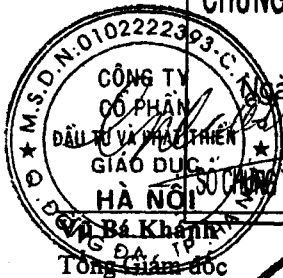
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	2.300.807.411	2.372.273.415

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu của báo cáo này đã được trình bày lại do phân loại chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động cho thuê Bất động sản đầu tư từ khoản mục Chi phí bán hàng sang khoản mục Giá vốn hàng bán để có thể so sánh với số liệu năm nay, cụ thể:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên
			báo cáo năm trước
Giá vốn hàng bán	11	297.274.507.191	295.120.679.051
Chi phí bán hàng	24	26.467.965.483	28.621.793.623



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 23-03-2015

Số Chứng thực: 12.15 QUYỀN SỐ: SCT/BS.

Đương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
Người lập

Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015



40
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thùy Lan